

Số: 435 /SNV-CCVC

*Lạng Sơn, ngày 10 tháng 4 năm 2020*

V/v nộp hồ sơ xét thăng hạng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2020

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Triển khai Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Lạng Sơn năm 2020;

Căn cứ chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở năm 2020 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 07/4/2020, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai việc nộp hồ sơ dự xét thăng hạng đến viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, cụ thể như sau:

## **I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN**

**1. Đối tượng:** Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở.

### **2. Điều kiện:**

- Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 năm liên tục (năm: 2017, 2018, 2019) tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

### **3. Tiêu chuẩn**

**3.1. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II – mã số V.07.02.04**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có

chúng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng II;

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;

e) Có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

### **3.2. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III – mã số V.07.02.05**

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng III;

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

e) Có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

### **3.3. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng III lên hạng II – mã số V.07.03.07**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](#) ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II.

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng III lên chức danh giáo viên tiểu học hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

#### **3.4. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III - mã số V.07.03.08**

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](#) ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng III.

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV lên chức danh giáo viên tiểu học hạng III phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

### **3.5. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II – mã số V.07.04.11**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng II;

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

e) Có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên.

## **II. MIỄN XÉT TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC**

1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2020 có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Trong trường hợp giáo viên thuộc Khoản 1 Mục này có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

**Lưu ý:**

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C có giá trị sử dụng tương đương chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Các chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A và A1; trình độ B và A2; trình độ C và B1; trình độ B2 lần lượt tương đương với bậc 1; bậc 2; bậc 3; bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN**

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo mẫu do Sở Nội vụ phát hành, hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản sơ yếu lý lịch viên chức (theo mẫu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức), có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý; trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm của 03 năm gần nhất (năm: 2017, 2018, 2019);

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của viên chức theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Biên bản nhận xét, đánh giá về điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên và các minh chứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét, bao gồm các minh chứng về: nhiệm vụ; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và minh chứng về các trường hợp điểm cộng thêm (theo hướng dẫn tại Phụ lục “Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập” kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT).

**Lưu ý: Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố căn cứ chỉ tiêu được phân bổ và nhu cầu đăng ký dự xét của giáo viên cử 01 công chức làm đầu mối đến Phòng Văn thư của Sở Nội vụ (phòng 108) mua hồ sơ dự xét thăng hạng về bán cho viên chức có nhu cầu tại cơ quan, đơn vị. Hồ sơ có bán tại Sở Nội vụ từ ngày 16/4/2020.**

#### **IV. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG**

##### **1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học:**

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng IV lên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ.

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng III lên hạng II: Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định.

- Hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch, việc sát hạch được thực hiện thông qua hình thức phỏng vấn, cụ thể:

Việc phỏng vấn được thực hiện trực tiếp đối với từng người; thời lượng phỏng vấn 01 (một) người không quá 15 (mười lăm) phút; nội dung phỏng vấn liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

- Hồ sơ không đạt 100 điểm không được tham gia sát hạch, không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

##### **2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở**

Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ

#### **V. CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG**

1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc điểm b, khoản 2, Mục này); có thành

tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc điểm c, khoản 2, Mục này);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

## **VI. CÁCH TÍNH ĐIỂM SÁT HẠCH**

1. Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

2. Hội đồng xét quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung phỏng vấn.

## **VII. CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG**

1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

1.1. Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định.

1.2. Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 2, Mục V của văn bản này.

1.3. Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 2, Mục V của văn bản này) và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

1.4. Có kết quả xét thăng hạng cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp, cho đến hết chỉ tiêu đã được phân bổ cho từng huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả bằng điểm nhau ở chỉ tiêu thăng hạng cuối cùng thì Hội đồng xét thăng hạng giáo viên căn cứ số lần được công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng, người giữ chức vụ cao hơn, người có thời gian công tác nhiều hơn để quyết định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thứ tự ưu tiên sau:

***(1). Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước, cấp tỉnh và tương đương***

1.1. Khen thưởng về lĩnh vực chuyên môn

- a) Bằng khen Thủ tướng Chính phủ;
- b) Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- c) Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Danh hiệu thi đua

- a) Chiến sỹ thi đua toàn quốc;
- b) Chiến sỹ thi đua cấp Bộ;
- b) Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh.

***(2) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp cơ sở***

2.1. Khen thưởng về lĩnh vực chuyên môn: Giấy khen Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giấy khen Chủ tịch UBND cấp huyện.

2.2. Danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cơ sở.

***(3) Giáo viên dạy giỏi các cấp***

- a) Cấp quốc gia;
- b) Cấp tỉnh;
- c) Cấp huyện;
- d) Cấp trường.

***(4). Vị trí, chức vụ lãnh đạo***

***(5). Thâm niên công tác.***

Trong trường hợp vẫn không xác định được viên chức thăng hạng theo thứ tự ưu tiên trên thì Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng giáo viên sẽ xem xét và quyết định viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Mục này, không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

**VIII. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG:**

Thực hiện theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở năm 2020.

**IX. LỆ PHÍ DỰ XÉT THĂNG HẠNG**

Theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử



dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và nguồn ngân sách nhà nước giao (nếu có). Tùy vào số lượng thực tế hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, mức thu theo quy định hiện hành.

Căn cứ Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản của Sở Nội vụ, đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai đến các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc, phối hợp với Đài Truyền thanh, Truyền hình thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị và tại các cơ sở giáo dục để viên chức có nhu cầu đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên được biết.

Căn cứ chỉ tiêu được phân bổ, căn cứ vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố tiến hành thẩm định, tổ chức sơ tuyển nhằm lựa chọn, cử đúng đối tượng, đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên. Số lượng hồ sơ cử tham dự xét thăng hạng **đảm bảo không vượt quá 20% so với chỉ tiêu của từng hạng chức danh nghề nghiệp được UBND tỉnh phân bổ.**

Riêng đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên trung học cơ sở do số lượng chỉ tiêu phân bổ ít, để tránh gây mất thời gian, công sức của viên chức khi làm hồ sơ dự xét thăng hạng, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố có thể phân bổ chỉ tiêu về cho từng Trường trên cơ sở số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp hiện có, Trường sẽ tiến hành họp xét, đánh giá nhằm lựa chọn những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc nhất và đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham dự xét thăng hạng.

Văn bản kèm danh sách trích ngang (theo Phụ lục I, II, III đính kèm) cử viên chức dự xét thăng hạng và hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 31/5/2020.**

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với Sở Nội vụ (qua Phòng Công chức, viên chức, số điện thoại 02053.814.676) để trao đổi thống nhất thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở NV;
- Phòng Nội vụ các huyện;
- Phòng CCVC;
- Website Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thị Luân**